

Bản án số: 44/2018/TLST-DS
Ngày: 19-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc.
2. Ông Bùi Ngọc Hà.

Thư ký Tòa phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh tham gia phiên tòa : Ông Mai Văn Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2018/TLST-DS ngày 27-9-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXX-DS ngày 31-10-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ka R.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Ka R: Ông Đinh Văn S. Có mặt.

Địa chỉ: Số cc Phạm Ngũ Lão, tổ 15, TT D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng bà Ka Th, có mặt và ông K'B, vắng mặt

Địa chỉ: Số SS Thôn 1A, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn S trình bày

Ngày 31-12-2017 vợ chồng bà Ka Th và ông K'B có vay của bà Ka R số tiền 60.000.000đ. Sau khi giao nhận tiền thì vợ chồng bà Ka Th và ông K'B có viết giấy

vay tiền, thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/01ngày/01 triệu đồng, thời hạn trả là 10 ngày, tức là ngày trả nợ vào ngày 10-01-2018. Đến hạn nhưng vợ chồng bà Ka Th và ông K'B không trả, sau đó lại cam kết hạn đến ngày 24-7-2018 sẽ thanh toán nhưng vẫn không trả nợ cho bà Ka R. Nay bà Ka R khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Ka Th và ông K'B trả số tiền nợ gốc 60.000.000đ và khoản lãi phát sinh theo mức cụ thể như sau. Lãi trong hạn từ ngày 31-12-2017 đến ngày 10-01-2018 là 10 ngày theo mức lãi 20%/năm (1,66%/tháng) x 60.000.000đ, thành tiền là 333.000đ. Lãi quá hạn từ ngày 11-01-2018 đến ngày 19-11-2018 là 10 tháng (đã làm tròn) x 60.000.000đ x 20%/năm (1,66%/tháng) x 150% = 16.500.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa do thấy bà Ka Th có khó khăn nên chỉ tính tổng số tiền lãi là 10.000.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu vợ chồng bà Ka Th và ông K'B phải thanh toán là 70.000.000đ. Tài liệu chứng cứ là giấy cam kết có chữ ký xác nhận của bà Ka Th và giấy viết tay của bà Ka Th.

Đối với bị đơn bà Ka Th trình bày. Vợ chồng bà có nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các thông báo, quyết định của Tòa án huyện Di Linh. Về nội dung việc vay mượn tiền bà trình bày như sau. Vào khoản cuối năm 2017, bà có vay của bà Ka R 1400kg cà phê nhân, sau đó bà Ka R quy đổi 1.400kg cà phê này ra thành tiền là 60.000.000đ, theo giá cà phê lúc đó là 35.000đ/kg, bà Ka Th là người nhận số tiền này thành nhiều lần, do thời gian quá lâu nên không nhớ bao nhiêu lần. Sau khi vay tiền của bà Ka R thì nhiều lần bà Ka R đòi tiền, do không có tiền trả nên ngày 24/7/2018 bà Ka Th có tự tay viết giấy cam kết trả nợ và hạn sẽ trả hết sau 07 ngày. Đến ngày 30/12/2017, do vẫn không trả được nợ nên bà Ka Th lại viết giấy nhận nợ lần thứ 2 cho bà Ka R với số nợ gốc là 60.000.000đ. Bà Ka Th xác nhận, đúng chữ viết và chữ ký trong 02 giấy nhận nợ này là của bà viết và ký tên xác nhận. Khoản tháng 12/2017, bà Ka Th khai có trả cho bà Ka R 2.900.000đ, trả vào nợ gốc, khi trả có làm giấy biên nhận, bà Ka R là người giữ giấy này. Ngoài ra bà không trả cho bà Ka R khoản nào khác. Nay tại phiên tòa ông S đại diện bà Ka R yêu cầu bà và ông K'B trả số tiền nợ gốc 60.000.000đ và tiền lãi phát sinh là 10.000.000đ thì bà đồng thanh toán. Bà Ka Th cho rằng mục đích vay tiền là bà cho các em của bà vay lại, nên không liên quan gì đến chồng của bà là ông K'B, tuy nhiên ông K'B có biết việc bà vay tiền của bà Ka R để cho các em bà vay lại. Tài liệu chức cứ chứng minh thì bà không có, bà cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

Tòa án đã gửi, tổng đạt hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên ông K'B không đến Tòa làm việc, do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông K'B.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án thì thẩm phán và hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Viên kiểm sát không có yêu cầu kiến

nghị gì. Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp. Ngày 25/7/2018 vợ chồng bà Ka Th và ông K'B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 17/8/2018 bà Ka R khởi kiện, căn cứ Điều 429 của bộ luật dân sự năm 2015 thì việc bà Ka R khởi kiện là còn trong thời hiệu. Tại phiên tòa ông K'B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên ông K'B không đến Tòa làm việc, không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K'B là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp : Căn cứ theo đơn khởi kiện, lời trình bày của bà Ka R, đại diện của bà Ka R là ông S, giấy nhận nợ và lời khai của bà Ka Th thì giữa bà Ka R và vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có việc thỏa thuận vay mượn số tiền 60.000.000đ nội dung này bà Ka Th cũng đã thừa nhận. Bên cạnh đó bà Ka Th khai có trả được cho bà Ka R 2.900.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, bà cũng không có yêu cầu giải quyết về số tiền này nên Tòa án không đề cập xem xét. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có vay của bà Ka R số tiền 60.000.000đ nhưng chưa thanh toán, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu kiện đòi số tiền nợ gốc của bà Ka R là phù hợp.

Ngoài yêu cầu trả số tiền gốc, bà Ka R còn yêu cầu vợ chồng bà Ka Th, ông K'B trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cụ thể Lãi trong hạn từ ngày 31-12-2017 đến ngày 10-01-2018 là 10 ngày theo mức lãi 20%/năm (1,66%/tháng) x 60.000.000đ, thành tiền là 333.000đ. Lãi quá hạn từ ngày 11-01-2018 đến ngày 19-11-2018 là 10 tháng (đã làm tròn) x 60.000.000đ x 20%/năm (1,66%/tháng) x 150% = 16.500.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa do thấy bà Ka Th có khó khăn nên đại diện nguyên đơn chỉ tính tổng số tiền lãi là 10.000.000đ. Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi này là phù hợp.

Theo lời trình bày của bà Ka Th thì bà cho rằng mục đích vay tiền là bà cho các em của bà vay lại, nên không liên quan gì đến chồng của bà là ông K'Boi. Xét thấy thời điểm bà Ka Th vay tiền của bà Ka R là khoản thời gian vợ chồng vẫn còn chung sống tại thôn 2A, xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ka R số tiền gốc và lãi như trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp toàn bộ. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn buộc vợ chồng bà Ka Th, ông K'B chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho bà Ka R là phù hợp.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 ; khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 ; Điều 144 ; 147 ; khoản 2 Điều 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357; 429; Điều 463; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka R. Buộc vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ka R số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi. Tổng chung số tiền cả gốc và lãi là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Vợ chồng bà Ka Th, ông K'B phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Ka R số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009218 ngày 27-9-2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã phường, thị trấn nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

K'Tìm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH-LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 16 giờ 20 phút ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại Phòng nghị án TAND huyện Di Linh. HĐXX đã tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2018/TLST-DS ngày 27-9-2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: ông K' Tim.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà và Bà Trần Thị Phúc.

NỘI DUNG

1- Ý kiến thành viên HĐ xét xử:

Hội thẩm Phúc ý kiến:

[1] Về tố tụng: Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án Di Linh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp. Ngày 25/7/2018 vợ chồng bà Ka Th và ông K'B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 17/8/2018 bà Ka R khởi kiện, căn cứ Điều 429 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bà Ka R khởi kiện là còn trong thời hiệu. Tại phiên tòa ông K'B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên ông K'B không đến Tòa làm việc, không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K'B là đúng theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp : Căn cứ theo đơn khởi kiện, lời trình bày của bà Ka R, đại diện của bà Ka R là ông S, giấy nhận nợ và lời khai của bà Ka Th thì giữa bà Ka R và vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có việc thỏa thuận vay mượn số tiền 60.000.000đ nội dung này bà Ka Th cũng đã thừa nhận. Bên cạnh đó bà Ka Th khai có trả được cho bà Ka R 2.900.000đ nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, bà cũng không có yêu cầu giải quyết về số tiền này nên Tòa án không đề cập xem xét. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có vay của bà Ka R số tiền 60.000.000đ nhưng chưa thanh toán, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu kiện đòi số tiền nợ gốc của bà Ka R là phù hợp.

Ngoài yêu cầu trả số tiền gốc, bà Ka R còn yêu cầu vợ chồng bà Ka Th, ông K'B trả khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc cụ thể Lãi trong hạn từ ngày 31-12-2017 đến ngày 10-01-2018 là 10 ngày theo mức lãi 20%/năm (1,66%/tháng) x 60.000.000đ, thành tiền là 333.000đ. Lãi quá hạn từ ngày 11-01-2018 đến ngày 19-11-2018 là 10 tháng (đã làm tròn) x 60.000.000đ x 20%/năm (1,66%/tháng) x 150% = 16.500.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa do thấy bà Ka Th có khó khăn nên đại diện nguyên đơn chỉ tính tổng số tiền lãi là 10.000.000đ. Căn cứ khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi này là phù hợp.

Theo lời trình bày của bà Ka Th thì bà cho rằng mục đích vay tiền là bà cho các em của bà vay lại, nên không liên quan gì đến chồng của bà là ông K'Bội. Xét thấy thời điểm bà Ka Th vay tiền của bà Ka R là khoản thời gian vợ chồng vẫn còn chung sống tại thôn 2A, xã Đình Trang Hòa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần buộc vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ka R số tiền gốc và lãi như trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp toàn bộ. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc vợ chồng bà Ka Th, ông K'B chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền gốc và lãi phải trả cho bà Ka R là phù hợp.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Ý kiến hội thẩm Hà: Thống nhất với ý kiến hội thẩm Phúc.

Ý kiến Thẩm phán chủ tọa: Thống nhất ý kiến hai hội thẩm.

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 thống nhất tuyên xử:

Căn cứ các Điều 26 ; 35 ; 39 ; khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91 ; Điều 144 ; 147 ; khoản 2 Điều 227 ; 273 và Điều 429 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357; Điều 463; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ka R. Buộc vợ chồng bà Ka Th, ông K'B có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ka R số tiền nợ gốc là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) và 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền lãi. Tổng chung số tiền cả gốc và lãi là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Vợ chồng bà Ka Th, ông K'B phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Ka R số tiền đã tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009218 ngày 27-9-2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại UBND xã phường, thị trấn nơi đương sự cư trú.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa